

VĂN BIA HÁN NÔM CÔNG GIÁO Ở ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ NHÌN TỪ GIÁ TRỊ VĂN HÓA

Tóm tắt: *Bia Hán Nôm Công giáo là những tấm bia đá, đa phần nằm trong khuôn viên các công trình tôn giáo của Công giáo, như nhà thờ, nhà nguyện, nơi ghi dấu tích của các nhân vật tử đạo; chủ yếu được khắc bằng chữ Hán, Nôm; có nội dung viết về các hoạt động của Công giáo... Trải qua thời gian, nhiều tấm bia đã bị thất lạc hoặc hư hại, số bia hiện tồn vẫn chưa được thống kê và dịch thuật một cách đầy đủ, nhưng những văn bia này có những giá trị nhất định về mặt lịch sử, văn hóa. Bài viết tập trung đánh giá về giá trị văn hóa của bia Hán Nôm Công giáo, với tư cách là một tài sản văn hóa được lưu truyền, ở một khu vực địa lý cụ thể là đồng bằng Bắc Bộ, nơi được coi là vẫn còn lưu giữ được nhiều văn bia Hán Nôm Công giáo. Giá trị đó được thể hiện ở hình thức và nội dung văn bia, trong đó biểu hiện rõ nét là những vấn đề xoay quanh việc cúng hậu, những thực hành tôn giáo và một số vấn đề xã hội của Công giáo Việt Nam từ khi thực dân Pháp cai trị Việt Nam đến trước ngày độc lập năm 1945.*

Từ khóa: *Công giáo; văn bia; Hán Nôm; giá trị; Việt Nam.*

Mở đầu

Trong khoảng hai mươi năm trở lại đây, đã có một số nghiên cứu đề cập đến văn bia Hán Nôm Công giáo, như các bài viết in trong *Kỷ yếu trao đổi khoa học: Tư liệu Hán Nôm viết về Công giáo Việt Nam* (Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2003); Nguyễn Hồng Dương đã đưa ra một danh mục văn bia ở nhà thờ Công giáo viết bằng chữ Hán, chữ Nôm trong *Nhà thờ Công giáo Việt Nam* (2003); Nguyễn Thế Nam với một số bài viết, như: “Đời sống đạo của người Công giáo qua

*Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Ngày nhận bài: 15/10/2022; Ngày biên tập: 25/10/2022; Duyệt đăng: 06/11/2022.

nghiên cứu văn bia Hán Nôm Công giáo tại đồng bằng sông Hồng” trên tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1, 2018; “Một vài gợi mở về sinh hoạt Công giáo ở đồng bằng Bắc Bộ đầu thế kỷ XX qua tấm bia tại nhà thờ giáo xứ Hoàng Nguyên, giáo phận Hà Nội” trên Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc*, số 236, 2014; Bùi Quốc Linh với bài “Giới thiệu nhóm tư liệu văn khắc Hán Nôm Công giáo Việt Nam lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm” trên tạp chí *Nghiên cứu Hán Nôm*, 2019;...

Nhìn chung, các nghiên cứu về văn bia Hán Nôm Công giáo có nói đến hiện tượng mua hậu, cúng hậu của người Công giáo; đưa ra danh mục văn bia hoặc thạc bản văn bia Hán Nôm Công giáo; hoặc giới thiệu một vài nét về đời sống đạo của người Công giáo được thể hiện qua văn bia Hán Nôm. Tuy nhiên, giá trị của những văn bia Hán Nôm Công giáo với tư cách là một dạng di sản văn hóa chưa được xem xét một cách toàn diện.

Xét thấy nếu xem những văn bia Hán Nôm Công giáo như một loại hình di sản, chúng hiển nhiên hàm chứa những mã văn hóa thú vị, mang theo nhiều thông điệp có giá trị, như có thể giúp tái hiện những câu chuyện về Công giáo Việt Nam như sinh hoạt tôn giáo, đời sống đạo, tinh thần hội nhập văn hóa, hay tính minh bạch trong thu chi, xây cất các công trình Công giáo,... Do đó, trong bài viết này, tác giả bàn về giá trị của văn bia Hán Nôm Công giáo xét ở khía cạnh văn hóa và những biểu hiện của giá trị đó.

Dựa vào những cách tiếp cận nghiên cứu khác nhau, với *phương pháp nghiên cứu của Tôn giáo học, Văn bản học*; tiếp cận dưới ba chiều cạnh: đời sống đạo, ngôn ngữ, nghệ thuật (các hình thức tạo tác), chúng tôi mong muốn có thể đưa ra một kết quả nghiên cứu mang tính gợi mở về giá trị di sản của Công giáo, thông qua một hình thức văn bản cụ thể là văn bia Hán Nôm.

1. Một số khái niệm cơ bản

Những khái niệm như “giá trị”, “văn hóa”, “giá trị văn hóa”... hiện nay đều có những cách hiểu, cách diễn giải khác nhau, trong đó, tuy “giá trị” là một thuật ngữ được sử dụng rất rộng rãi, song ở khái niệm này còn tồn đọng rất nhiều vấn đề lý luận chưa được giải quyết thấu đáo [Trần Ngọc Thêm, 2013: 92].

Tác giả bài viết này đồng thuận với cách hiểu các giá trị gắn với cuộc sống của con người bao gồm các *giá trị vật chất* và *giá trị tinh thần*. Trong đó, đối tượng của khoa học về giá trị là các giá trị tinh thần (văn hóa, lịch sử, tâm lí, thái độ đối với giá trị). Các giá trị này mang tính chất chủ quan, phản ánh tồn tại khách quan [Phạm Minh Hạc, 2010: 41].

Về khái niệm “văn hóa”, có thể nhắc lại định nghĩa văn hóa của Hồ Chí Minh đưa ra năm 1943: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn” [*Hồ Chí Minh Toàn tập*, 2022: 431].

Nếu hiểu “văn hóa” và “giá trị” theo nghĩa rộng, chấp nhận quan niệm coi văn hóa là hệ thống giá trị do con người sáng tạo ra thì khái niệm “văn hóa” trong cụm từ “giá trị văn hóa” phải được hiểu là “do con người sáng tạo ra” [Trần Ngọc Thêm, 2013: 92-93]. Điều đó cũng có nghĩa là mọi giá trị và hệ giá trị do con người sáng tạo ra đều thuộc về văn hóa, trong đó bản sắc văn hóa được coi là những giá trị nền tảng.

Có những nét văn hóa ở khía cạnh tôn giáo, tín ngưỡng được coi là bản sắc văn hóa của người Việt Nam, trong đó nhiều điều đã được ghi lại trong văn bia Hán Nôm, như việc cúng hậu, các quy định liên quan đến thực hành thờ cúng tại các cơ sở tôn giáo, lai lịch, hành trạng và những lời giáo huấn của các nhà tu hành, các nhân vật tiêu biểu của các tôn giáo,... Trải qua thời gian, những sản phẩm văn hóa này đã được coi là di sản văn hóa.

Di sản văn hóa nói chung, di sản tôn giáo, tín ngưỡng nói riêng là những sản phẩm có giá trị do con người sáng tạo ra, và được lưu truyền qua các thế hệ. Văn bia là dạng di sản khá đặc biệt, vừa là một dạng vật chất hữu hình, cả ở khía cạnh ngôn ngữ văn khắc và họa tiết trang trí văn bia, lại vừa mang theo nó những giá trị vô hình được lưu lại thông qua nội dung văn bia.

Tại Việt Nam, văn bia Hán Nôm Công giáo xét về mặt số lượng, niên đại, thậm chí là mức độ truyền tải về lượng thông tin có lẽ không thể so sánh được với những hệ thống văn bia đã được đưa vào danh mục di sản văn hóa của quốc gia, như hệ thống bia tại các văn miếu, hay một vài bia Phật giáo tiêu biểu. Nhưng đối với Công giáo, đó thực sự là những di sản có giá trị, phản ánh được một phần đời sống đức tin, đời sống văn hóa trong lịch sử phát triển Công giáo tại Việt Nam.

Cụ thể, có thể xem xét biểu hiện của giá trị di sản văn bia Hán Nôm Công giáo thông qua đời sống đức tin của cá nhân, gia đình, trong những sinh hoạt tôn giáo của cộng đồng, qua cách thức và những quy định thực hành thờ cúng, cùng những vấn đề liên quan đến tính đúng sai của hoạt động thờ cúng đó trong giáo lý, giáo luật và những thông lệ Công giáo đương thời; hoặc đơn giản là qua sự khác biệt trong trang trí và ngôn ngữ văn bia Hán Nôm Công giáo so với các loại hình văn bia Hán Nôm khác.

2. Một vài biểu hiện của giá trị di sản văn bia Hán Nôm Công giáo

Văn bia Hán Nôm Công giáo là một sản phẩm văn hóa hữu hình (vật thể) nhưng lại truyền tải những thứ vô hình (phi vật thể). Trên chất liệu đá, chủ yếu khắc ngôn ngữ chính là chữ Hán và chữ Nôm, với những đường nét trạm khắc trang trí ở mức độ khác nhau, trong đó có thể có biểu tượng Công giáo (cây thánh giá). Văn bia Hán Nôm Công giáo chuyên tải nhiều nội dung, phản ánh đời sống tôn giáo của Công giáo trong lịch sử.

Hiện chưa có một con số chính xác về số lượng bia Hán Nôm Công giáo tại Việt Nam. Tuy nhiên, xét về mặt nội dung, có thể chia văn bia Hán Nôm Công giáo làm bốn nhóm nội dung chính: *nhóm bia hậu*, *nhóm bia công đức*, *nhóm bia ghi chép lịch sử*, và *nhóm bia mộ* [Nguyễn Thế Nam, 2022: 31].

Nói cách khác, nội dung văn bia Hán Nôm Công giáo khá đa dạng, bên cạnh bia cúng hậu của người Công giáo, ghi rõ vào mỗi dịp lễ hậu, cả cộng đồng Công giáo phải trích số tiền hoa lợi từ canh tác ruộng hậu để tổ chức cúng giỗ cho ngôi hậu, còn có các bia ghi lại các quy định của cộng đồng mà các cá nhân phải tuân theo, tương đương với nội quy hoạt động của cộng đồng, mà văn bia nhà thờ Hoàng Nguyên là một ví dụ tiêu biểu. Ngoài ra còn có các văn bia ghi chép về lịch sử hình thành giáo xứ, giáo họ Công giáo, văn bia ghi chép về việc xây dựng nhà thờ, văn bia ghi chép về lai lịch một hoặc một vài nhân vật Công giáo có vai trò đặc biệt trong cộng đồng.

2.1. Văn bia Hán Nôm Công giáo ghi chép về hoạt động thờ hậu của Công giáo

Những văn bia liên quan đến việc cúng hậu có ý nghĩa khá đặc biệt về mặt văn hóa. Dưới đây là một số bia hậu Công giáo đã được một số nghiên cứu nhắc đến trong thời gian vừa qua.

TT	Tên bia	Tên gọi khác sử dụng trong bài viết	Địa chỉ hiện tại	Thời điểm khắc bia
1	<i>Hậu hóa bài kí</i> (后化牌記)	Bia nhà thờ Mai Châu	Xã Đại Mạch, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	1943
2	<i>Chư Hậu bi kí</i> (諸后碑記)	Bia nhà thờ Kim Trang Đông	Thôn Kim Trang Đông, xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	1927
3	<i>Lập Hậu bi kí</i> (立后碑記)	Bia nhà thờ Phùng Khoang	Xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	1927
4	<i>Tòng tự bi kí</i> (從祀碑記)	Bia nhà thờ Đông Xuyên 1	Xã Đoàn Lập, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng	1905
5	<i>Bi Hậu kí</i> (碑后記)	Bia nhà thờ Đông Xuyên 2	Xã Đoàn Lập, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng	1913
6	<i>Xuân Hòa Hậu bi</i> (春和后碑)	Bia nhà thờ Xuân Hòa	Xã Bạch Đằng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng	1941
7	<i>Ngôi Hậu Ổ Thôn giáo giáp</i> (塢后塢村教甲)	Bia nhà thờ Ổ Thôn	Thôn Ổ Thôn, xã Thọ Lộc, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	1940

Tục cúng hậu khá phổ biến ở Việt Nam, với nhiều tên gọi khác nhau tùy thuộc vào đối tượng được cộng đồng thờ cúng, như: mua hậu, bầu hậu, cúng hậu. Trong đó, trường hợp thường gặp là “những người giàu không con, mà không thể giao cho con nuôi việc thờ cúng sau khi mình chết, đôi khi thích chọn cách cúng hiến vật hay tiền bạc để bảo đảm cho mình được cúng giỗ ở đình hay ở chùa. Tùy trường hợp, tục lệ này gọi là mua hậu đình hoặc mua hậu chùa” [Nguyễn Văn Huyền, 2005: 92].

Đối với Công giáo, vấn đề cúng hậu đã được nhắc đến trong hai Công đồng miền Bắc kỳ liên tiếp tại Kẻ Sặt (1900) và Kẻ Sở (1912), theo đó, vấn đề nhận lễ hậu bị giới chức Công giáo tại Việt Nam kiểm soát chặt chẽ: “Ta cấm ngặt không ai được nhận lễ hậu, trừ khi đã tuân cứ cho cạn các điều bề trên địa phận mình chỉ định về việc ấy mới nhận mà thôi” [*Công đồng miền Bắc Kỳ*, Kẻ Sặt, 1900, Kẻ Sở, 1912: 284]. Tuy nhiên, việc Giáo hội có kiểm soát được vấn đề này hay không lại là điều khó có thể xác định được.

Về cách thức và phân loại đối tượng cúng hậu: có các khái niệm *tôn hậu* hoặc *bầu hậu*, với các hạng nhất, nhì, ba... tùy thuộc vào mức độ đóng góp tài sản của người được cúng hậu đối với cộng đồng Công giáo, hoặc dựa vào địa vị của họ trong cộng đồng¹. Hầu hết các đối tượng nhận báo đáp trên bia hậu Công giáo đều được bầu hoặc được tôn làm hậu. Danh xưng “hậu” được gọi bằng nhiều cách khác nhau, như “hiệu thánh vị”, “ngôi vị hậu thánh”, “hậu vị”...

Mục đích của người gửi hậu/mua hậu là để “xin lễ hằng năm”², “xin 24 lễ bàn thờ” cầu cho người thân³, được làm lễ giỗ, được cộng đồng cầu nguyện cho trong thánh lễ (Misa)...

Việc lập bia hậu là một cách thể hiện sự khẳng định thỏa thuận giữa bên mua (bên giao tài sản) và bên bán (bên nhận tài sản), và cam kết của bên bán sẽ thực hiện việc cúng hậu theo thỏa thuận. Hay nói cách khác, đây là sự cam kết về quyền lợi và trách nhiệm.

Về quyền lợi của người được cúng hậu: Bia nhà thờ Đông Xuyên 1 ghi rất rõ, “Quyền lợi của những người được tôn làm tông tự: Tên thánh, tên họ, cùng các lệ ngạch đều được khắc ghi tường tận; Hằng năm vào ngày kính quan thầy, một lễ hát thánh mộ; Hằng năm, khi xong hai tuần chầu phúc, đồng tộc niệm cho ba tràng”; bia nhà thờ Kim Trang Đông ghi: “Hằng năm vào ngày giỗ biện lễ trị giá hai quan tiền;

ngày tết Nguyên đán biện lễ trị giá một quan và xin được đọc Kinh tại Thánh đường. Thảng hoặc có ăn uống thì phải biếu lộc cho xứng với đức. Nếu như có làm bài văn tụng niệm thì sẽ được bản xã giúp đỡ”...

Về trách nhiệm của bên nhận tài sản: Số bất động sản (ruộng, vườn, ao) sẽ được giao cho những cá nhân khác nhau luân phiên canh tác lấy hoa lợi phục vụ trong việc cúng giỗ. Trong bia nhà thờ Kim Trang Đông ghi: “Những người đã nhận ruộng cấy, hằng năm phải nộp hoa lợi để dùng vào các ngày cúng lễ, truyền lại cho con cháu mãi mãi về sau”; Bia nhà thờ Đông Xuyên 2 thậm chí còn ghi rõ người phụ trách canh tác ấy là vị đương cai: “Đất vườn cúng là năm sào, bạc là năm mươi đồng nguyên lớn, giao cho vị đương cai nhận lấy để lo liệu”.

Về nghi lễ cúng hậu: Thời gian cúng hậu (hay còn gọi là hoạt động cầu bầu cho những người gửi hậu) đối với người Công giáo được tiến hành vào ngày giỗ của người quá cố (hay còn gọi là ngày sinh nhật nước trời), nhưng thường có thêm lễ cầu cho linh hồn của họ vào tháng Mười một, và lễ Misa thường được nhắc tới như một thánh lễ thiết yếu mỗi khi cầu cúng cho người đã qua đời. Sự khác biệt dễ thấy nhất giữa cúng hậu theo thể thức Công giáo được quy định trong văn bia Hán Nôm với cúng hậu truyền thống là người Công giáo đã đưa thêm những quy định liên quan đến nghi lễ Công giáo. Người Công giáo đặc biệt coi trọng lễ Misa, và nhà thờ luôn là trung tâm của những nghi lễ quan trọng.

Về chủng loại và số lượng lễ vật dùng trong lễ cúng hậu: Những thông tin ghi trong bia nhà thờ Kim Trang Đông và bia nhà thờ Đông Xuyên là rất đáng chú ý. Cụ thể, bia nhà thờ Kim Trang Đông ghi: “Sau khi các vị hậu trăm tuổi, bản giáp biện: một đầu lợn, một mâm xôi, một buồng cau, một chai rượu, thêm mười nải chuối tiêu mang vào từ đường làm lễ. Đến ngày giỗ, biện lễ mỗi người trị giá tổng cộng ba đồng, mang đến Thánh đường, đọc kinh để biểu thị sự đồng tâm nhất trí của mọi người”; bia nhà thờ Đông Xuyên 2 ghi: “Ngày kỵ hằng năm trích lấy số bạc lợi tức là hai mươi lăm đồng nguyên, xôi mười tám cân, mỗi cân trung bình năm quan, rượu hai bình, cơm trà, muối tương đủ dùng. Những thức đó đều do người đương cai lo liệu”, hoặc “Hằng năm vào ngày kỵ, trích lấy số bạc là hai mươi lăm đồng nguyên, xôi là ba mươi hai cân, mỗi cân trung bình năm quan, rượu

hai bình, cơm trà, muối tương đũa dũa. Những thức đó đều do người đương cai lo liệu”. Cũng trong bia nhà thờ Đông Xuyên 2 còn có quy định chi tiết lễ biếu: “Vào những ngày kỵ, mổ lợn biếu quan linh mục đầu, biếu vị trùm tộc đương nhiệm nòng, xã tộc tràng, nam nữ biếu cổ”. Điều này cho thấy phong tục của người Công giáo tại địa điểm này vẫn mang đậm dấu ấn văn hóa truyền thống của người Việt đồng bằng Bắc Bộ đương thời.

Ở đây ta xét hai trường hợp: cúng hậu và thánh hóa những linh hồn đạo đức. Việc dâng lời cầu khẩn, đặc biệt là Thánh lễ, và cả những việc bố thí, ân xá và những việc “hãm mình” để cầu cho giúp đỡ các linh hồn được quy định trong văn bia cũng là một cách thể hiện sinh hoạt tôn giáo theo đúng giáo lý Công giáo. Vấn đề ở đây là cách thực hiện các công việc trên khá đa dạng, tùy từng địa phương.

Chẳng hạn, tại họ đạo Kim Trang Đông, ngoài việc quy định cụ thể từng khoản lễ vật trong lễ giỗ, còn định lệ “đến ngày giỗ biện lễ mỗi người trị giá tổng cộng ba đồng, mang đến Thánh đường, đọc kinh để biếu thị sự đồng tâm nhất trí của mọi người. Nay định lệ: các dịp lễ Thánh, kính Minh Thánh, bản giáp xin một lễ mang ra mộ các vị hậu, một lễ thánh Misa” (bia nhà thờ Kim Trang Đông). Trong khi đó người mua hậu tại nhà thờ Mai Châu lại có mong muốn đơn giản hơn là “cùng ngày kỷ niệm chung các linh hồn, thì xin cho mọi linh hồn được rửa tội trong lễ Misa” (Bia nhà thờ Mai Châu). Còn bia nhà thờ Phùng Khoang lại ghi rõ yêu cầu khá cao của người mua hậu “hàng năm giáp phải xin hai mươi tư lễ bàn thờ cầu cho cha mẹ và ba em tôi như ý tôi đã chỉ về sau mãi mãi, còn thừa lợi bao nhiêu thì công Giáp chi như nào tùy ý”.

Ở khía cạnh tâm lý cá nhân, người sống lo lắng cho linh hồn của mình sau khi chết, con cái muốn thể hiện đạo hiếu đối với cha mẹ, làng xóm thể hiện lòng biết ơn của mình đối với người có đóng góp cho cộng đồng bằng cách thực hiện việc “kính biếu” vào các dịp lễ tết khi họ còn sống, và cầu cúng cho họ vào những dịp giỗ chạp... tất cả những điều đó là căn nguyên của tục cúng hậu. Đồng thời, đó cũng là những thông tin được ghi chép trong văn bia Hán Nôm Công giáo, thể hiện rõ mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng làng xã.

Chẳng hạn như quy định số 2, ghi trong bia nhà thờ Kim Trang Đông: “Khi bản giáp tổ chức yến ẩm phải kính biếu trâu cau các vị

hậu đều nhau, vạn đời không thay đổi”. Bia nhà thờ Kim Trang Đông còn quy định lệ biểu đối với các vị hậu còn sống, “các vị hậu sinh thời hằng năm vào ngày tết Nguyên đán được biểu như lệ định”. Căn cứ vào nội dung bia nhà thờ Kim Trang Đông, có thể suy đoán là một người Công giáo ly hương vì một lý do nào đó, sau này trở nên giàu có và kéo một số người ngoại đạo theo đạo, nhưng vì ông chỉ có một cô con gái nên đã nghĩ đến việc thờ cúng bản thân sau này. Phải chăng đó là động cơ khiến cho ông dùng phần lớn gia tài và công sức lúc cuối đời của mình để xây dựng nhà thờ. Trong văn bia này, số người đứng tên mua hậu là cả một gia đình: “Chúng tôi gồm Đoàn Văn Bru, vợ thứ Nguyễn Thị Phượng và con gái Đoàn Thị Lan có lời xin giáp Nghĩa bản xã cho chúng con được góp 180 quan tiền vào công quỹ để sau này tu sửa Thánh đường. Người có trách nhiệm ở Thánh đường, kì lão Cơ Văn Âm, và người giúp việc Nguyễn Văn Hậu, Mai Văn Lộc cùng toàn xã đã nhận đủ số tiền đó”. Câu chuyện quanh tấm bia tại nhà thờ Kim Trang Đông còn được kéo dài thêm với việc nó đã từng bị một số gia đình Công giáo chiếm dụng, rồi gia đình ông trùm họ đó lại phải dựng trả lại văn bia và huy động đồng đạo dựng lại nhà thờ vì họ tin rằng những điều bất hạnh gia đình và cộng đồng của mình gặp phải có liên quan đến việc phá hủy nhà thờ và chiếm dụng văn bia⁴.

Ở khía cạnh khác, lòng biết ơn đối với người có đóng góp cho cộng đồng, đi kèm với đó là tinh thần dân chủ theo kiểu làng xã Việt Nam được thể hiện qua hiện tượng bầu hậu, tôn hậu, như ghi chép trong bia nhà thờ Đông Xuyên 2: “Căn cứ vào ý kiến của người trong họ đạo, cự lý trưởng vốn là trùm họ Đinh Bách Cốc đã xuất tiền văn, kể đến số nghìn để lấy tiền chi tiêu việc công, người trong họ kính bầu vợ chồng ông ấy mỗi người một hiệu thánh vị”; “Nếu có người có hằng tâm đồng ý xuất gia sản để cúng cho chi dụng, đồng tộc hội họp lại bàn bạc thỏa thuận bầu các vị tiên nhân ấy làm vị tông tự”.

Về vấn đề nghi lễ, dựa vào những thực hành nghi lễ Công giáo, với những quy định mang tính ước thúc với cá nhân, gia đình trong cộng đồng, đặc biệt là hành vi mua hậu, bầu hậu, tôn hậu, cúng hậu... được ghi trong bia đá Hán Nôm Công giáo, ta có thể phần nào đánh giá được chất lượng đời sống tôn giáo của người Công giáo tại đồng bằng Bắc Bộ.

Giáo lý Công giáo cho rằng linh hồn mỗi người là bất tử, nhưng ngay khi chết, trong một cuộc phán xét riêng, linh hồn hoặc lập tức

bước vào hưởng diễm phúc trên trời (vào ngay Thiên đàng), hoặc lập tức bị án phạt đời đời (vào hoả ngục), hoặc sẽ trải qua một cuộc thanh luyện (nơi luyện ngục), để được tinh luyện cho sạch trước khi được vào Thiên đàng; không nhắc đến việc có sự trở về của linh hồn người quá cố để ăn uống chung vui một cách vô hình nào đó với người thân đang sống trên trần thế, nhưng dạy và khuyến khích các tín hữu cầu nguyện, làm việc lành và nhất là xin lễ cầu cho các linh hồn còn đang được thanh luyện trong luyện ngục. Do đó, việc người Công giáo mang đồ ăn, đồ uống ra nghĩa trang đặt nơi mộ phần của thân nhân đã qua đời, hay dâng mâm đồ ăn trên bàn thờ người quá cố trong những ngày giỗ tết là điều không được Giáo hội dạy hay khuyến cáo. Tuy nhiên, giáo dân ngày nay được phép đốt nhang, đèn, nến và trưng hoa trước bàn thờ tổ tiên hay nơi mộ phần của thân nhân để nói lên lòng yêu mến, tôn kính và thương nhớ đối với những người thân đã qua đời.

Như vậy, không có cơ sở giáo lý Công giáo cho việc cúng hậu được ghi chép trong các văn bia Hán Nôm. Nhưng có thể coi đây là hiện tượng văn hóa chịu ảnh hưởng từ văn hóa truyền thống của người Việt tại đồng bằng Bắc Bộ.

2.2. Văn bia Hán Nôm Công giáo ghi chép về những mặt khác nhau của đời sống xã hội đương thời

Nội dung của các văn bia Hán Nôm Công giáo (ở đồng bằng Bắc Bộ) phần nào cho thấy bức tranh tôn giáo của cộng đồng tôn giáo bản địa, ở khía cạnh niềm tin cá nhân, mối quan hệ trong gia đình, cộng đồng tôn giáo và liên cộng đồng. Dưới đây là danh mục một số tấm bia được chúng tôi sử dụng để chứng minh cho điều này (ngoài những bia đã kê ở mục bên trên).

TT	Tên bia	Tên gọi khác sử dụng trong bài viết	Địa chỉ hiện tại	Thời điểm khắc bia
1	Bia làng Đại An (碑廊大安)	Bia nhà thờ Đại Ôn	Xã Ngọc Hòa, huyện Chương	1941

			Mỹ, Hà Nội	
2	A-1927-D	Bia nhà thờ Tri Thủy	Thôn Tri Thủy, xã Tri Thủy, huyện Phú Xuyên, Hà Nội	1927
3	Những điều phải giữ về sự kéo chuông trong nhà thờ Hoàng Nguyên (仍條沛佇術事擣鐘甌茹徐黃源)	Bia nhà thờ Hoàng Nguyên	Thôn Hoàng Nguyên, xã Tri Thủy, huyện Phú Xuyên, Hà Nội	1923
4	Bảng Sở giáp ngũ bi ký (憑所甲五碑記)	Bia nhà thờ Bảng Sở	Thôn Bảng Sở, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, Hà Nội	1884 (Suy đoán)
5	Văn bia tử đạo Liên Thủy xứ (文碑死道連水處)	Bia tử đạo Liên Thủy	Thôn Liên Thủy - xã Xuân Ngọc - huyện Xuân Trường - tỉnh Nam Định	Không rõ
6	Thiên Chúa giáng sinh nhất thiên cửu bách mạnh xuân (天主降生壹千玖百孟春)	Bia nhà thờ Bùi Chu	Xuân Ngọc, Xuân Trường,	1900

			Nam Định	
--	--	--	-------------	--

Xét ở khía cạnh cá nhân, việc gửi gắm linh hồn người quá cố vào nhà thờ và thực hiện các nghi lễ mang dấu ấn văn hóa dân gian Việt Nam cho thấy dường như tín đồ Công giáo và những người thân của họ chưa có sự am hiểu đầy đủ về giáo lý Công giáo, chưa vững chãi về mặt đức tin, hoặc cũng có thể là cách thức để yên lòng hơn trong việc phụng sự cha mẹ.

Mối quan hệ giữa cá nhân với gia đình, dòng họ nhìn từ nhóm văn bia cúng hậu cho ta thấy việc mua hậu có thể do cá nhân người mua hậu hoặc con cái họ chủ động thực hiện. Sự neo đơn khiến một số người Công giáo “sống gửi thác về” với nhà thờ. Đó là sự biểu hiện của tình cảm cá nhân, đồng thời cũng thể hiện tình cảm của gia đình dành cho nhau.

Chẳng hạn bia nhà thờ Phùng Khoang ghi rõ: “Nay tôi lấy số ruộng này ký hậu cho cha tôi là Bảo Lộc Vũ Đình Hưng, mẹ tôi là Anna Nguyễn Thị Tấn và ba em tôi là Bảo Lộc Vũ Đình Chính, Phêrô Vũ Đình Chung, Bảo Lộc Vũ Đình Dũng và giáo giáp làng Phùng Khoang. Hàng năm giáp phải xin hai mươi tư lễ bàn thờ cầu cho cha mẹ và ba em tôi như ý tôi đã chỉ về sau mãi mãi, còn thừa lợi bao nhiêu thì công Giáp chi như tùy ý”. Theo khảo sát của tác giả bài viết này, tấm bia tại nhà thờ Phùng Khoang đã được khắc nổi trong những khoảng thời gian khác nhau do có hai mốc thời gian, hai loại chữ được khắc, và mặt đối diện của bia mới được khắc trong thời gian gần đây. Điều đó cũng cho thấy tục cúng hậu đã được duy trì trong cộng đồng Công giáo với hạt nhân gia đình, gia tộc của nó trong một khoảng thời gian nhất định.

Bia nhà thờ Mai Châu ghi: “Thừa lệnh cha bản quản là linh mục Hoàng Như Bách. Nay nhân có con chiêm Anna Tuyên có lòng hiếu với cha mẹ đã qua đời. Xin dâng vào Thánh đường một số tiền là 100 đồng bạc, với một số đất vườn là một sào mười thước, xin mua hai đơn hậu hóa để xin lễ hằng năm”. Qua văn bia này, ta biết được linh mục quản xứ cho phép việc mua đơn “hậu hóa”, và trường hợp mua hậu cho cha mẹ là nữ giới.

Xét ở khía cạnh gia đình, dòng họ, trong khi gia đình Công giáo không khác về mặt mô hình so với gia đình người Việt truyền thống,

thì dòng họ của Công giáo dường như đa dạng hơn dòng họ truyền thống, bởi nó vừa bao gồm dòng họ huyết thống, dòng họ được tạo lập trên cơ sở hôn nhân xa huyết thống, và họ đạo có quan hệ với nhau về mặt tôn giáo. Một họ đạo thường là tập hợp của những cá nhân, những gia đình sinh hoạt chung tại một cơ sở tôn giáo, thờ chung một vị thánh quan thầy, và tất nhiên có những thực hành tôn giáo chung. Cộng đồng Công giáo cơ sở tương ứng với các xóm đạo, họ đạo, giáo xứ.

Lý do quan trọng nhất của việc một cộng đồng tôn giáo nhận mua hậu thường là vì cộng đồng cần tiền cho việc xây sửa cơ sở thờ tự, hoặc cần tiền chi tiêu cho các sinh hoạt của cộng đồng. Với trường hợp Công giáo cũng vậy, chẳng hạn như bia nhà thờ Đông Xuyên Ighi: “Việc tu tạo thánh đường trong tộc nhu phí tốn khá nhiều. Nếu có người có hăng tâm đồng ý xuất gia sản để cúng cho chi dụng, đồng tộc hội họp lại bàn bạc thỏa thuận bầu các vị tiên nhân ấy làm vị tông tự”. Cũng trong văn bia này, ta thấy việc lập bia hậu cũng được quyết định trên cơ sở đồng thuận của cộng đồng: “Tiên thứ chỉ xã Tiên Đồi ngoại, tổng Tử Đồi, huyện Tiên Lãng, tỉnh Phù Liễn, cùng giáo tộc trên dưới bàn việc lập bia”. Tiên thứ chỉ là những người đứng đầu trong cơ cấu làng xã thời xưa, nhưng có lẽ trong trường hợp này không phải là những người Công giáo. Điều này cho thấy có mối liên hệ gần giữa Công giáo với cơ cấu quyền lực làng xã đương thời.

Trong mối quan hệ giữa cộng đồng Công giáo với thế giới bên ngoài, đặc biệt là những nơi mà người Công giáo chỉ là thiểu số, thì việc họ ra sinh hoạt tại đình làng trong những dịp khánh tiết, khao vọng, hay thượng thọ không phải là chuyện hiếm. Nó thể hiện mối quan hệ xuyên tôn giáo trong cộng đồng làng xã. Điều này tuy chưa được thể hiện trong nội dung văn bia Hán Nôm Công giáo, nhưng nó có dấu ấn trong các quy định thực hành tôn giáo của Công giáo, thể hiện ở sự tương đồng nhất định trong các quy định liên quan đến thờ hậu.

Người ký tên xác lập giá trị pháp lý của văn bia Hán Nôm Công giáo thường là chức sắc của địa phương kèm với một số người đại diện của xứ họ đạo, như: tiên thứ chỉ, lý trưởng, kỳ lão, hào mục... (bia nhà thờ Xuân Hòa, bia nhà thờ Phùng Khoang, bia nhà thờ Đông Xuyên), phó tổng (bia nhà thờ Kim Trang Đông), linh mục quản xứ (bia nhà thờ

Hoàng Nguyên),... và được sự đồng thuận của cộng đồng.

Nhìn rộng ra, nội dung nhiều văn bia đều xác nhận có sự đồng thuận của cộng đồng trong việc lập văn bia, xác định tính chất như một văn khế của văn bia, là giao ước giữa cộng đồng với cá nhân, gia đình hoặc một tập thể, cộng đồng nào đó.

Sinh hoạt tôn giáo trong cộng đồng phụ thuộc vào những đóng góp của cá nhân, hay ngược lại, cá nhân bỏ công bỏ của phục vụ cộng đồng vì nhiều lý do, trong đó có lý do liên quan đến lòng mộ đạo, lòng thiện nguyện, hoặc vì quyền lợi của mình (được cộng đồng vinh danh ở hiện tại, được cộng đồng cầu cúng sau khi mình sang thế giới bên kia).

Cách đối xử của cộng đồng Công giáo đối với những người công đức, hoặc dâng cúng của cải cho cộng đồng trong trường hợp đặc biệt là mua ngôi hậu là không hoàn toàn giống nhau, và phụ thuộc vào giá trị tài sản đã dâng cúng, nhưng ở một vài trường hợp ta vẫn thấy có quy định đối đãi một cách bình đẳng với các vị hậu khi họ còn sống, như bia nhà thờ Kim Trang Đông quy định: “khi bản giáp tổ chức yến âm phải kính biếu trà cau các vị hậu đều nhau, vạn đời không thay đổi”.

Văn bia Hán Nôm Công giáo ghi những quy định về thực hành nghi lễ

Qua khảo sát các văn bia Công giáo, có thể thấy điểm chung của nghi thức cúng hậu giữa bên Công giáo và bên ngoại giáo tại đồng bằng Bắc Bộ là đều có một lễ được tổ chức vào ngày giỗ của ngôi hậu. Nhưng phía Công giáo còn có những hình thức cầu nguyện vào những dịp khác như tháng các linh hồn, dịp lễ thánh quan thầy của cộng đồng, lễ Misa...

Quan niệm và cách ứng xử với sự sống và cái chết cũng được ít nhiều thể hiện trong văn bia Hán Nôm Công giáo. Trong văn bia tại nhà thờ Kim Trang Đông hoặc nhà thờ Đông Xuyên 2 có nhắc tới những phần mộ như vậy (phần mộ mỗi vị, đặt tại lô thứ 5, 6 sân phía nam thánh đường). Đặc biệt, quy định kéo chuông liên quan đến việc tang, việc rửa tội được quy định rất cụ thể trong bia nhà thờ Hoàng Nguyên. Cụ thể, có chín quy định liên quan đến việc đóng tiền kéo chuông trong các giai đoạn khác nhau của việc tang, ba quy định về việc đóng tiền kéo chuông liên quan đến quá trình tín đồ chịu phép bí

tích rửa tội. Quy định trong bia nhà thờ Hoàng Nguyên có tác dụng ước thúc đối với mỗi cá nhân trong cộng đồng và những ai vi phạm trong việc kéo chuông bữa bãi sẽ bị phạt: “Cấm ngặt người lớn trẻ con khi không có việc gì mà kéo chuông dù một tiếng, phạt ngũ mao”. Tương tự, bia nhà thờ Bùi Chu cũng có những quy định để việc ra vào nhà thờ được trang nghiêm.

Văn bia Hán Nôm Công giáo thể hiện mối tương đồng giữa văn hóa truyền thống với văn hóa Công giáo

Ngoài vấn đề cúng hậu, cũng giống như đình làng có thành hoàng, người đứng đầu một họ đạo hay một xứ đạo là thánh quan thầy. Chẳng hạn, theo bia nhà thờ Tri Thủy ghi lại thì giáo họ này “đã chọn lấy ông thánh Mát Thêu tông đồ làm quan thầy trong cả họ”; Trong bia nhà thờ Đông Xuyên¹ có ghi vào ngày kính quan thầy cộng đồng “tổ chức một lễ hát thỉnh mộ cho các ngôi hậu”. Thánh quan thầy chính là mối dây gắn kết các cá nhân trong họ thành một tập hợp giống như một gia đình, và thánh quan thầy còn ảnh hưởng đến cả việc cúng tế các ngôi hậu.

Ở một chiều kích rộng hơn, văn hóa Việt Nam ở tầm quốc gia dân tộc có truyền thống thờ cúng quốc tổ và các anh hùng dân tộc, ở làng xã có tục thờ cúng thành hoàng làng... Còn đối với Công giáo, thánh quan thầy có địa vị tương đương thành hoàng trong văn hóa làng Việt Bắc Bộ, các anh hùng trong đạo có thể coi tương đương với các thánh tử đạo. Những vị thánh tử đạo Công giáo tại Việt Nam đã được khoác lên mình nhiều huyền thoại (thánh tích) về phép thuật, chữa bệnh, cầu bầu cho giáo dân. Các câu chuyện về các nhân vật Công giáo được tôn xưng, cộng với câu chuyện về sự hình thành giáo xứ hoặc giáo họ, có những điểm khá giống với mô típ thần thoại quen thuộc trong tôn giáo truyền thống mà thánh Lê Tuyền là một nhân vật tiêu biểu. Không phải ngẫu nhiên mà ngay gần tấm bia đá tại đền thánh Lê Tuyền là hệ thống cấp nước phép cho ai muốn xin ơn thánh.

Văn bia Hán Nôm Công giáo ghi lại xung đột xã hội

Trường hợp bia đền thánh Lê Tuyền cũng cung cấp thông tin về những tranh chấp đất đai “Giáp Ngũ độc chiếm làm của riêng, tự ý chuyển bán, dẫn đến kiện tụng mà chưa thể giải quyết được. May sao mà gặp được đại nhân họ Nguyễn tên tự là Tống Khê, giữ chức chế đài, đang làm quan ở Hà Nội (...)”. Từ nội dung bia tại đền thánh Lê

Tùy ta có thể suy đoán là sau khi người Pháp cơ bản ổn định được tình hình tại miền Bắc Việt Nam, những người thân Pháp có cảm tình với Công giáo đã có những hoạt động phân xumột số tranh chấp (giữa hai bên Công giáo và ngoại giáo)theo chiều hướng có lợi cho Công giáo, ở đây có nhắc tới một nhân vật lịch sử rất có thể lực thời bấy giờ (Tổng đốc Nguyễn Hữu Độ).

Cũng phải nói thêm rằng,cho đến nay văn bia Hán Nôm Công giáo không còn giữ lại được nhiều, vì trong lịch sử có thời điểm tại miền Bắc Việt Nam, văn bia Hán Nôm (trong đó có cả văn bia Hán Nôm Công giáo) đã từng bị hủy hoại ở một vài thời điểm, khi văn bia chưa được coi trọng, hoặc trong xã hội còn phổ biến tư tưởng chống chữ Hán, bài trừ hủ tục, bài trừ mê tín dị đoan...

2.3. Văn bia Hán Nôm Công giáo có những điểm khác biệt về nghệ thuật tạo tác và sử dụng ngôn ngữ

Về mặt hình thức, văn bia Hán Nôm Công giáo sử dụng chữ Hán, chữ Nôm, hoặc cả chữ Hán và chữ Nôm, đôi khi có thể kèm thêm một ngôn ngữ khác nữa, khắc lên chất liệu là đá, với mục đích lưu giữ lâu dài điều được khắc ghi. Trên văn bia có khắc các họa tiết trang trí nhất định, trong đó, một số văn bia sử dụng mô típ quen thuộc là lưỡng long châu nguyệt để khắc trên trán bia. Dây leo, vân mây, hoa sen hay hoa cúc cách điệu cũng là những họa tiết đậm chất truyền thống mà ta thấy xuất hiện trên văn bia Hán Nôm Công giáo.

Xét về nghệ thuật trang trí văn bia, có thể thấy không có sự thống nhất trong cách trang trí các văn bia Hán Nôm Công giáo. Trán bia với những bia có đỉnh vòng cung thường được khắc hình mặt nhật ở chính giữa, bao quanh là các đám mây (bia đền thánh Lê Tụy); khắc hình mũ triều thiên ở chính giữa và hình hai thiên thần, với trung tâm là cây thánh giá dưới mũ triều thiên (bia đền thánh Ninh Cường); khắc hình thánh giá ở chính giữa và dây nho xung quanh (bia nhà thờ Xuân Hòa); khắc hình hai quả chuông tây trên trán bia (bia nhà thờ Hoàng Nguyên); hay khắc hình lưỡng long châu nhật (bia nhà thờ Mai Châu)... Cả mũ triều thiên, cây thánh giá và lá nho đều là những biểu tượng gắn liền với Thiên Chúa, là nét mới trong nghệ thuật chạm khắc văn bia tại Việt Nam.

Một số diềm bia và đế bia Hán Nôm Công giáo, như bia nhà thờ Mai Châu, bia đền thánh Ninh Cường có trang trí hoa văn giống hoa cúc cách điệu. Bia nhà thờ Đại Ôn, bia nhà thờ Phùng Khoang là những tấm bia lớn, được chạm khắc kỳ công, và còn giữ được tương đối nguyên vẹn cho đến ngày nay. Trong đó, diềm bia nhà thờ Đại Ôn có trang trí bằng dây lá cách điệu chạy dài. Còn đối với bia nhà thờ Phùng Khoang, chính giữa trán là hình thập giá, tỏa ra hai bên cạnh hình thập giá là hai dây hoa lá cách điệu uốn lượn về hai góc trán bia. Diềm bia cũng chạm hình hoa lá cách điệu. Đế bia có tạc hoa sen nhiều cánh chạy dài.

Mặc dù có một số bia đá được tạo tác khá công phu, với sự kết hợp của cả những hình ảnh thuần túy Công giáo, vừa có những hình ảnh mượn từ văn hóa truyền thống của người Việt Nam, như hình rồng, hình bông sen,... Tuy nhiên, đa phần văn bia Hán Nôm Công giáo được tạo tác đơn giản, chỉ hướng đến truyền tải nội dung cần truyền tải mà thôi.

Về mặt thể chữ được sử dụng để khắc lên văn bia, đa phần đều là thể chữ chân, dễ nhìn, dễ đọc, chứ không sử dụng các thể chữ khó đọc (lệ, triện, thảo,...). Điều này chứng minh giá trị thực dụng, mục đích chính mà những người cho khắc văn bia hướng tới là để cho người đọc dễ đọc. Nhưng điều này cũng phần nào cho thấy người lập các văn bia Hán Nôm không quá coi trọng việc thể hiện, đề cao yếu tố nghệ thuật trong việc tạo dựng văn bia.

Do sự hủy hoại của thời gian và cả khả năng bảo quản văn bia không được tốt, một số văn bia Hán Nôm đến nay đã bị vỡ và mòn nhiều chữ nên nội dung một số văn bia có thể không được lưu giữ một cách trọn vẹn.

Theo khảo sát điền dã của chúng tôi gần đây, đa phần người dân trong những cộng đồng cư dân tương ứng nơi có văn bia lại hầu như không thể đọc được các văn bia chữ Hán Nôm. Do đó, những văn bia Hán Nôm Công giáo giờ đây chủ yếu mang tính chất của một dạng hiện vật mang tính di sản của cộng đồng. Nó làm tăng lên vẻ cổ kính, tính lịch sử của công trình tôn giáo trong cộng đồng Công giáo sở hữu nó. Phần lớn văn bia Hán Nôm Công giáo còn lưu giữ được đã được dựng hoặc di chuyển đến những vị trí mà người dân có thể dễ dàng thấy được, như ngay lối vào nhà thờ, hoặc có nhà bia riêng (như bia

nhà thờ Phùng Khoang).

Một điểm khác biệt của văn bia Hán Nôm Công giáo (so với văn bia Hán Nôm khác loại xét ở khía cạnh ngôn ngữ) là việc có một số chữ ghi phiên âm tên thánh của người Công giáo, như: Anna, Đôminicô, Phêrô,... cùng với đó là những thuật ngữ được sử dụng riêng trong Công giáo, như: Misa, thánh đường, linh hồn, rửa tội, linh mục, xin lễ, lễ bàn thờ, lễ thánh,... cho thấy sự bổ sung của ngôn ngữ nhà đạo vào kho tàng ngôn ngữ Việt Nam.

Nhìn chung, văn bia Hán Nôm Công giáo về mặt nghệ thuật là khá đơn giản nếu so với bia tại các cơ sở Phật giáo nói chung, hay bia tại các một số di tích Nho giáo,... Trong khi đó lại có những khác biệt nhất định về mặt ngôn ngữ. Tuy vậy, vẫn có những tấm bia có kích cỡ lớn và được trang trí khá công phu như bia nhà thờ Phùng Khoang hay bia nhà thờ Đại On.

Một số nhận xét

Bia Hán Nôm Công giáo tại đồng bằng Bắc Bộ được đặt tại các địa điểm có vai trò quan trọng trong đời sống cộng đồng người Công giáo như đền thánh, nhà thờ, phòng truyền thống... thuộc một xứ, họ đạo, hoặc trung tâm của một giáo phận Công giáo (như trường hợp bia nhà thờ Hải Phòng, bia nhà thờ Bùi Chu).

Cho đến nay, văn bia Hán Nôm Công giáo đối với cộng đồng Công giáo đã trở thành một loại hình di sản, một biểu tượng của quá khứ, một bằng chứng lịch sử, hay đơn giản chỉ là một vật trang trí. Trên thực tế, khá nhiều nơi đã lưu giữ cẩn thận, dịch lại văn bia, dựng hoặc gắn bia ở nơi dễ nhìn thấy trong nhà thờ hoặc dựng nhà bia riêng (trường hợp nhà thờ Phùng Khoang)... Có thể xem văn bia Hán Nôm Công giáo là một dạng tài sản văn hóa của giáo hội Công giáo tại Việt Nam, tuy số lượng không nhiều nhưng có những đóng góp nhất định cho sự phong phú của nền văn hóa Việt Nam.

Xét ở khía cạnh giá trị, văn bia Hán Nôm Công giáo cho ta một cái nhìn về lịch sử Công giáo, về văn hóa Công giáo, đời sống đạo của người Công giáo trong một giai đoạn lịch sử nhất định. Đồng thời, nó cũng cho thấy nghệ thuật và những biểu tượng Công giáo đã xuất hiện, góp thêm vào sự phong phú của nền nghệ thuật Việt Nam, dù cho những đóng góp đó có thể không lớn.

Biểu hiện của di sản văn bia Hán Nôm ở khía cạnh vật chất nằm ở số lượng văn bia, nơi trưng bày/đặt/dựng, và tình trạng văn bia (vỡ nứt hay nguyên vẹn,...). Các bia Hán Nôm Công giáo nhìn chung có kích thước tương đối nhỏ, trang trí đơn giản.

Về mặt nội dung, văn bia Hán Nôm Công giáo ghi chép về nhiều vấn đề của giáo họ, giáo xứ Công giáo, từ việc yêu cầu thực hiện các quy định bắt buộc khi đến nhà thờ đến việc ghi chép về lịch sử hình thành nhà thờ, lịch sử hình thành giáo xứ, giáo họ, hoặc hội đoàn Công giáo, hạnh tích của một hoặc một số nhân vật tiêu biểu gắn bó với địa phương (chẳng hạn như các vị tử đạo). Đặc biệt, có một số văn bia ghi chép về việc cúng hậu của Công giáo Việt Nam vào nửa đầu thế kỷ XX. Xét ở khía cạnh văn hóa, tục cúng hậu của người Công giáo có bản chất là sự vay mượn (hội nhập văn hóa) từ văn hóa truyền thống Việt Nam, là một dạng di sản văn hóa phi vật thể, liên quan đến lối sống, nếp sống của người Công giáo Việt Nam. Ngoài ra, văn bia Hán Nôm Công giáo cũng ghi lại một số quy định liên quan đến thực hành tôn giáo của Công giáo, như những quy định về việc đóng tiền kéo chuông trong việc tang, việc rửa tội,... Những hoạt động khác, như hoạt động công đức, sự hình thành các hội nhóm Công giáo, việc hình thành một giáo họ, những vãn thơ ca ngợi người có công với cộng đồng Công giáo... đều có thể được tìm thấy trong nội dung văn bia Hán Nôm Công giáo./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Theo ghi chép trong bia ở một số nhà thờ như nhà thờ Đông Xuyên, Kim Trang Đông,...
- 2 Theo bia nhà thờ Mai Châu.
- 3 Theo bia nhà thờ Phùng Khoang
- 4 Theo kết quả điền dã vào năm 2016 của tác giả bài viết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Thị Mai Anh (2015), *Đời nay cung tiến, ngàn sau phụng thờ: Bàu hậu trong văn khắc Hán Nôm ở một số địa phương đồng bằng châu thổ sông Hồng, 1802-1903*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
2. *Công đồng miền Bắc Kỳ (Đàng Ngoài trong nước Annam): Kê Sắt 1900, Kê Sờ 1912*, In tại Kê Sờ năm 1915, Tái bản, Lưu hành nội bộ.
3. Nguyễn Đức Dũng, Đỗ Thị Kim Định (2004), “Tâm bia ghi công A - lịch - son - đặc - lộ (Alexandre de Rhodes)”, trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2003*, Viện Khảo cổ học, Hà Nội.

4. Nguyễn Hồng Dương (1997), “Bia đá ở nhà thờ công giáo”, trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1996*, Viện Khảo cổ học, Hà Nội.
5. Nguyễn Hồng Dương (1999), “Bước đường hội nhập văn hóa dân tộc của Công giáo Việt Nam”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2.
6. Nguyễn Hồng Dương (2003), *Nhà thờ Công giáo Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Nguyễn Hồng Dương (2013), *Công giáo trong văn hóa Việt Nam*, Tái bản lần thứ 1, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
8. Nguyễn Hồng Dương (2014), “Đời sống đạo của tín đồ Công giáo qua văn bia và hương ước vùng đồng bằng Bắc Bộ đến cuối nửa thế kỷ XX”, *Nguyệt san Công giáo và Dân tộc*, số 5 (113).
9. Giuse Nguyễn, Nguyễn Hồng Dương (2019), “Những đóng góp của Kitô giáo Việt Nam cho nền văn hóa và văn học dân tộc”, *Hiệp thông*, Hội đồng Giám mục Việt Nam, số 111 (tháng 3&4).
10. Phạm Minh Hạc (2010), *Giá trị học cơ sở lý luận góp phần đúc kết, xây dựng giá trị chung của người Việt Nam thời nay*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
11. Lê Minh Hằng (2013), “Đôi nét về thư tịch Hán Nôm Công giáo tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm”, trong *Thông báo Hán Nôm học năm 2013*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2010), *Dấu ấn 350 năm Giáo hội Công giáo Việt Nam*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh.
13. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2004), *Sống đạo theo cung cách Việt Nam*, Tài liệu hội thảo mùa Phục Sinh, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
14. Mai Hồng (2004), “Tục bầu hậu Thần, hậu Phật”, *Dân tộc và thời đại*, số 67.
15. Nguyễn Văn Huyền (2005), *Văn minh Việt Nam*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
16. Nguyễn Hưng (2000), *Sơ thảo thư mục Hán Nôm Công giáo Việt Nam*, Lưu hành nội bộ.
17. Nguyễn Quang Khải (2014), “Văn bia có chủ đề bầu hậu, gửi giỗ ở Bắc Ninh và giá trị lịch sử, ý nghĩa nhân văn của nó”, *Công tác tôn giáo*, số 05 (93).
18. Bùi Quốc Linh (2019), “Giới thiệu nhóm tư liệu văn khắc Hán Nôm Công giáo Việt Nam lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm”, *Nghiên cứu Hán Nôm*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
19. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2022.
20. Nguyễn Thế Nam (2013), “Chữ Hán Nôm trong nhà thờ Công giáo Việt Nam”, trong *Thông báo Hán Nôm học năm 2012*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
21. Nguyễn Thế Nam (2014), “Một vài gợi mở về sinh hoạt Công giáo ở đồng bằng Bắc Bộ đầu thế kỷ XX qua tấm bia tại nhà thờ giáo xứ Hoàng Nguyên, giáo phận Hà Nội”, *Nguyệt san Công giáo và Dân tộc*, số 236, tháng 8.
22. Nguyễn Thế Nam (2016), *Hội nhập văn hóa qua một số văn bia Hán Nôm Công giáo ở đồng bằng Bắc Bộ*, Luận văn Thạc sĩ, Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
23. Nguyễn Thế Nam (2018), “Đời sống đạo của người Công giáo qua nghiên cứu văn bia Hán Nôm Công giáo tại đồng bằng sông Hồng”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1.
24. Nguyễn Thế Nam (2022), *Giá trị di sản của Công giáo qua nghiên cứu một số văn bia Công giáo ở đồng bằng Bắc Bộ*, Đề tài cơ sở, Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

25. P. M. Gendreau Ep (1908), *Sách thuật lại các Thư chung địa phận Tây Đàng Ngoài*, in tại Kẻ Sở.
26. Chương Thâu (2005), “Giới thiệu năm tấm bia tử vì đạo tại Phúc Nhạc”, trong *Thông báo Hán Nôm học năm 2004*, Viện Nghiên cứu Hán Nôm xuất bản, Hà Nội.
27. Trần Ngọc Thêm (2013), *Những vấn đề văn hóa học: Lý luận và ứng dụng*, Nxb. Văn hóa-Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
28. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2003), *Kỹ yếu trao đổi khoa học: Tư liệu Hán Nôm viết về Công giáo Việt Nam*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Hà Nội.

Abstract

CATHOLIC SINO- NOM INSCRIPTIONS IN THE RED RIVER DELTA FROM VIEWPOINTS OF CULTURAL VALUES

Nguyen The Nam

Institute for Religious Studies

Vietnam Academy of Social Sciences

Catholic Sino-Nom steles are stone steles, most of them are located within the premises of Catholic buildings such as churches and chapels, where vestiges of martyrs are recorded, mainly engraved in ancient Chinese and Nom characters; containing content of Catholic activities. Over time, many steles have been lost or damaged, and the number of existing steles has not been fully counted and translated, however, they have historical and cultural values. The article evaluates the cultural values of the Catholic Sino-Nom steles, they are considered a handed-down cultural asset in the Northern Delta where have preserved many Catholic Sino-Nom inscriptions. These values are reflected in the form and content of the steles, which clearly showed the issues of worshipping after death, religious practices, and a number of social issues of Vietnamese Catholics from the beginning of French colonial rule over Vietnam to the independence in 1945.

Keywords: Catholicism; inscriptions; Sino-Nom; values; Vietnam.